

Trang/ Page No: 1/4
Ngày ban hành/ Date of issue: 10/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y694H0177
Mã KQ/ RP. No: 001006319.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH LAI CHÂU
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu.
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 06/08/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 06/08/2024 - 10/08/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : **Mẫu sau bể xử lý Nhà máy nước Thành phố Lai Châu.**
Địa chỉ: Xã San Thàng - tp Lai Châu tỉnh Lai Châu
Mã số mẫu: TP 01
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu nước chứa trong can nhựa và chai duran kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	<i>Staphylococcus aureus</i> (*)	0	CFU/100mL	-	TS-KT-VS-115 (XP T90-412 (06/2006))	< 1
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> (*)	0	CFU/100mL	-	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010)	< 1
3	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)/ Ammonium (NH ₃ and NH ₄ ⁺ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.2	TCVN 5988:1995	0.3
4	Chì (Pb) (*) ^(s) / Lead (Pb) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.01
5	Chỉ số pecmanganat (KMnO ₄) (*)/ Permanganate index (KMnO ₄) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.2	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993 (E))	2
6	Crom (Cr) (*) ^(s) / Chromium (Cr) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.05
7	Đồng (Cu) (*) ^(s) / Copper (Cu) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	1
8	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) (*)/ Total hardness (calculated as CaCO ₃) (*)	22.0	mg/L	-	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984 (E))	300

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 10/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y694H0177

Mã KQ/ RP. No: 001006319.00

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN- 01- 1:2018/ BYT
9	Mangan (Mn) (*) ^(s) / Manganese (Mn) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.1
10	Nhôm (Al) (*) ^(s) / Aluminium (Al) (*) ^(s)	0.046	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.2
11	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.005	TCVN 6178:1996 (ISO 6777:1984)	0.05
12	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*) (s)/ Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) (*) ^(s)	0.569	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	2
13	Sắt (Fe) (*) ^(s) / Iron (Fe) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.3
14	Thủy ngân (Hg) (*) ^(s) / Mercury (Hg) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0002	TS-KT-QP-28:2021	0.001
15	Tổng chất rắn hoà tan (TDS) (*)/ Total dissolved solids (TDS) (*)	35.0	mg/L	-	SMEWW 2540 C:2023	1000
16	Phenol và dẫn xuất phenol (*) ^(s) / Phenol and its derivatives (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-113:2020	1
17	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine (*) ^(s) / Atrazine and chloro-s-triazine derivatives (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	100
18	Chlorpyrifos (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	30
19	Chloroform (*) ^(s)	5.48	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
20	Bromoform (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 3/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 10/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y694H0177

Mã KQ/ RP. No: 001006319.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
21	Bromodichloromethane (*) ^(s)	Vết/ Trace 0.610 (< LOQ = 1)	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60
22	Dibromochloromethane (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
23	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
24	Escherichia coli (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
25	Clo tự do (tính theo Cl ₂) (*)/ Free chlorine (as Cl ₂) (*)	0.680	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1
26	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	Không phát hiện/ Not Detected	NTU	0.33	SMEWW 2130 B:2023	2
27	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	3.33	SMEWW 2120 C:2023	15
28	pH (*)/ pH value (*)	7.85	-	-	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)	6.0 - 8.5
29	Mùi, vị (*) ^(s) / Odor, taste (*) ^(s)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 4/4
Ngày ban hành/ Date of issue: 10/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y694H0177
Mã KQ/ RP. No: 001006319.00

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
-------------	---	-----------------------	-----------------	--------------	---------------------------------	-------------------------------

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- GHDL: Giới hạn định lượng của phương pháp./ LOQ: Limit of quantification.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.
- (§) : Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ là Trung Tâm Kiểm Nghiệm TSL./ (§) : Item(s) is(are) analyzed by TSL Testing Center as a subcontractor.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

NGUYỄN THỊ CẨM TUYỀN

HUYỀN TÂN CƯỜNG



TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/4
Ngày ban hành/ Date of issue: 10/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y694H0177
Mã KQ/ RP. No: 002006320.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH LAI CHÂU
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu.
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 06/08/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 06/08/2024 - 10/08/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : Hệ thống cấp nước thành phố
Địa chỉ: Xã San Thành - tp Lai Châu tỉnh Lai Châu
Mã số mẫu: TP 02
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu nước chứa trong can nhựa và chai duran kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	<i>Staphylococcus aureus</i> (*)	0	CFU/100mL	-	TS-KT-VS-115 (XP T90-412 (06/2006))	< 1
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> (*)	0	CFU/100mL	-	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010)	< 1
3	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)/ Ammonium (NH ₃ and NH ₄ ⁺ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.2	TCVN 5988:1995	0.3
4	Chì (Pb) (*) ^(s) / Lead (Pb) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.01
5	Chỉ số pecmanganat (KMnO ₄) (*)/ Permanganate index (KMnO ₄) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.2	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993 (E))	2
6	Crom (Cr) (*) ^(s) / Chromium (Cr) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.05
7	Đồng (Cu) (*) ^(s) / Copper (Cu) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	1
8	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) (*)/ Total hardness (calculated as CaCO ₃) (*)	20.0	mg/L	-	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984 (E))	300

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 10/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y694H0177

Mã KQ/ RP. No: 002006320.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
9	Mangan (Mn) (*) ^(s) / Manganese (Mn) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.1
10	Nhôm (Al) (*) ^(s) / Aluminium (Al) (*) ^(s)	0.062	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.2
11	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.005	TCVN 6178:1996 (ISO 6777:1984)	0.05
12	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*) (s)/ Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) (*) ^(s)	0.573	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	2
13	Sắt (Fe) (*) ^(s) / Iron (Fe) (*) ^(s)	Vết/ Trace 0.009 (< LOQ = 0.02)	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.3
14	Thủy ngân (Hg) (*) ^(s) / Mercury (Hg) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0002	TS-KT-QP-28:2021	0.001
15	Tổng chất rắn hoà tan (TDS) (*)/ Total dissolved solids (TDS) (*)	37.0	mg/L	-	SMEWW 2540 C:2023	1000
16	Phenol và dẫn xuất phenol (*) ^(s) / Phenol and its derivatives (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-113:2020	1
17	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine (*) ^(s) / Atrazine and chloro-s-triazine derivatives (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	100
18	Chlorpyrifos (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	30
19	Chloroform (*) ^(s)	8.84	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
20	Bromoform (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 3/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 10/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y694H0177

Mã KQ/ RP. No: 002006320.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
21	Bromodichloromethane (*) ^(s)	Vết/ Trace 0.601 (< LOQ = 1)	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60
22	Dibromochloromethane (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
23	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
24	Escherichia coli (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
25	Clo tự do (tính theo Cl ₂) (*)/ Free chlorine (as Cl ₂) (*)	0.500	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1
26	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	Không phát hiện/ Not Detected	NTU	0.33	SMEWW 2130 B:2023	2
27	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	3.33	SMEWW 2120 C:2023	15
28	pH (*)/ pH value (*)	7.67	-	-	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)	6.0 - 8.5
29	Mùi, vị (*) ^(s) / Odor, taste (*) ^(s)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 4/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 10/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y694H0177

Mã KQ/ RP. No: 002006320.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
-------------	---	-----------------------	-----------------	--------------	---------------------------------	-------------------------------

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- GHDL: Giới hạn định lượng của phương pháp./ LOQ: Limit of quantification.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.
- (§) : Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ là Trung Tâm Kiểm Nghiệm TSL./ (§) : Item(s) is(are) analyzed by TSL Testing Center as a subcontractor.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



HUYNH TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/4
Ngày ban hành/ Date of issue: 10/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y694H0177
Mã KQ/ RP. No: 003006321.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH LAI CHÂU
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu.
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 06/08/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 06/08/2024 - 10/08/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : Hệ thống cấp nước thành phố
Địa chỉ: Xã San Thành - tp Lai Châu tỉnh Lai Châu
Mã số mẫu: TP 03
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu nước chứa trong can nhựa và chai duran kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	<i>Staphylococcus aureus</i> (*)	0	CFU/100mL	-	TS-KT-VS-115 (XP T90-412 (06/2006))	< 1
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> (*)	0	CFU/100mL	-	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010)	< 1
3	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)/ Ammonium (NH ₃ and NH ₄ ⁺ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.2	TCVN 5988:1995	0.3
4	Chì (Pb) (*) ^(s) / Lead (Pb) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.01
5	Chỉ số pecmanganat (KMnO ₄) (*)/ Permanganate index (KMnO ₄) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.2	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993 (E))	2
6	Crom (Cr) (*) ^(s) / Chromium (Cr) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.05
7	Đồng (Cu) (*) ^(s) / Copper (Cu) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	1
8	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) (*)/ Total hardness (caculated as CaCO ₃) (*)	23.0	mg/L	-	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984 (E))	300

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 10/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y694H0177

Mã KQ/ RP. No: 003006321.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
9	Mangan (Mn) (*) ^(s) / Manganese (Mn) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.1
10	Nhôm (Al) (*) ^(s) / Aluminium (Al) (*) ^(s)	0.058	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.2
11	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.005	TCVN 6178:1996 (ISO 6777:1984)	0.05
12	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*) (s)/ Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) (*) ^(s)	0.581	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	2
13	Sắt (Fe) (*) ^(s) / Iron (Fe) (*) ^(s)	Vết/ Trace 0.014 (< LOQ = 0.02)	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.3
14	Thủy ngân (Hg) (*) ^(s) / Mercury (Hg) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0002	TS-KT-QP-28:2021	0.001
15	Tổng chất rắn hoà tan (TDS) (*)/ Total dissolved solids (TDS) (*)	36.0	mg/L	-	SMEWW 2540 C:2023	1000
16	Phenol và dẫn xuất phenol (*) ^(s) / Phenol and its derivatives (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-113:2020✓	1
17	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine (*) ^(s) / Atrazine and chloro-s-triazine derivatives (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	100
18	Chlorpyrifos (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	30
19	Chloroform (*) ^(s)	10.4	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
20	Bromoform (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 3/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 10/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y694H0177

Mã KQ/ RP. No: 003006321.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
21	Bromodichloromethane (*) (s)	Vết/ Trace 0.598 (< LOQ = 1)	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60
22	Dibromochloromethane (*) (s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
23	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
24	Escherichia coli (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
25	Clo tự do (tính theo Cl ₂) (*)/ Free chlorine (as Cl ₂) (*)	0.450	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1
26	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	Không phát hiện/ Not Detected	NTU	0.33	SMEWW 2130 B:2023	2
27	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	3.33	SMEWW 2120 C:2023	15
28	pH (*)/ pH value (*)	7.59	-	-	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)	6.0 - 8.5
29	Mùi, vị (*) (s)/ Odor, taste (*) (s)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 4/4
Ngày ban hành/ Date of issue: 10/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y694H0177
Mã KQ/ RP. No: 003006321.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
-------------	---	-----------------------	-----------------	--------------	---------------------------------	-------------------------------

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- GHDL: Giới hạn định lượng của phương pháp./ LOQ: Limit of quantification.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.
- ([§]) : Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ là Trung Tâm Kiểm Nghiệm TSL./ ([§]) : Item(s) is(are) analyzed by TSL Testing Center as a subcontractor.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER



NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



HUỲNH TÁN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/4
Ngày ban hành/ Date of issue: 10/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y694H0177
Mã KQ/ RP. No: 004006322.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH LAI CHÂU
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu.
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 06/08/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 06/08/2024 - 10/08/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : **Hệ thống cấp nước thành phố**
Địa chỉ: Xã San Thàng - tp Lai Châu tỉnh Lai Châu
Mã số mẫu: TP 04
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu nước chứa trong can nhựa và chai duran kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	<i>Staphylococcus aureus</i> (*)	0	CFU/100mL	-	TS-KT-VS-115 (XP T90-412 (06/2006))	< 1
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> (*)	0	CFU/100mL	-	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010)	< 1
3	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)/ Ammonium (NH ₃ and NH ₄ ⁺ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.2	TCVN 5988:1995	0.3
4	Chì (Pb) (*)/ Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.01
5	Chỉ số pecmanganat (KMnO ₄) (*)/ Permanganate index (KMnO ₄) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.2	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993 (E))	2
6	Crom (Cr) (*)/ Chromium (Cr) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.05
7	Đồng (Cu) (*)/ Copper (Cu) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	1
8	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) (*)/ Total hardness (calculated as CaCO ₃) (*)	18.0	mg/L	-	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984 (E))	300



TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 10/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y694H0177

Mã KQ/ RP. No: 004006322.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
9	Mangan (Mn) (*) ^(s) / Manganese (Mn) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.1
10	Nhôm (Al) (*) ^(s) / Aluminium (Al) (*) ^(s)	0.071	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.2
11	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.005	TCVN 6178:1996 (ISO 6777:1984)	0.05
12	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*) (s)/ Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) (*) ^(s)	0.560	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	2
13	Sắt (Fe) (*) ^(s) / Iron (Fe) (*) ^(s)	Vết/ Trace 0.012 (< LOQ = 0.02)	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.3
14	Thủy ngân (Hg) (*) ^(s) / Mercury (Hg) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0002	TS-KT-QP-28:2021	0.001
15	Tổng chất rắn hoà tan (TDS) (*)/ Total dissolved solids (TDS) (*)	36.0	mg/L	-	SMEWW 2540 C:2023	1000
16	Phenol và dẫn xuất phenol (*) ^(s) / Phenol and its derivatives (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-113:2020✓	1
17	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine (*) ^(s) / Atrazine and chloro-s-triazine derivatives (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	100
18	Chlorpyrifos (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	30
19	Chloroform (*) ^(s)	11.8	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
20	Bromoform (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 3/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 10/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y694H0177

Mã KQ/ RP. No: 004006322.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
21	Bromodichloromethane (*) ^(s)	Vết/ Trace 0.592 (< LOQ = 1)	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60
22	Dibromochloromethane (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
23	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
24	Escherichia coli (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
25	Clo tự do (tính theo Cl ₂) (*)/ Free chlorine (as Cl ₂) (*)	0.570	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1
26	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	Không phát hiện/ Not Detected	NTU	0.33	SMEWW 2130 B:2023	2
27	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	3.33	SMEWW 2120 C:2023	15
28	pH (*)/ pH value (*)	7.72	-	-	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)	6.0 - 8.5
29	Mùi, vị (*) ^(s) / Odor, taste (*) ^(s)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 4/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 10/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y694H0177

Mã KQ/ RP. No: 004006322.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
-------------	---	-----------------------	-----------------	--------------	---------------------------------	-------------------------------

Chú thích/ Remarks:

- (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- GHDL: Giới hạn định lượng của phương pháp./ LOQ: Limit of quantification.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.
- (§): Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ là Trung Tâm Kiểm Nghiệm TSL./ (§): Item(s) is(are) analyzed by TSL Testing Center as a subcontractor.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER



NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



HUỲNH TÁN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 10/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y694H0177

Mã KQ/ RP. No: 005006323.00

1. Tên khách hàng/ Client's Name (c) : CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH LAI CHÂU
2. Địa chỉ/ Client's Address (c) : Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đồng Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu.
3. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 06/08/2024
4. Thời gian phân tích/ Date of Testing : 06/08/2024 - 10/08/2024
5. Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : Mẫu sau bể xử lý - Trạm xử lý và hệ thống cấp nước sinh hoạt đầu nguồn Nùng Nàng
Địa chỉ: Phường Quyết Tiến - tp Lai Châu tỉnh Lai Châu
Mã số mẫu: TP 05
6. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu nước chứa trong can nhựa và chai duran kín
7. Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	<i>Staphylococcus aureus</i> (*)	0	CFU/100mL	-	TS-KT-VS-115 (XP T90-412 (06/2006))	< 1
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> (*)	0	CFU/100mL	-	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010)	< 1
3	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)/ Ammonium (NH ₃ and NH ₄ ⁺ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.2	TCVN 5988:1995	0.3
4	Chì (Pb) (*) ^(s) / Lead (Pb) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.01
5	Chỉ số pecmanganat (KMnO ₄) (*)/ Permanganate index (KMnO ₄) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.2	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993 (E))	2
6	Crom (Cr) (*) ^(s) / Chromium (Cr) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.05
7	Đồng (Cu) (*) ^(s) / Copper (Cu) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	1
8	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) (*)/ Total hardness (calculated as CaCO ₃) (*)	195	mg/L	-	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984 (E))	300

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

Trang/ Page No: 2/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 10/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y694H0177

Mã KQ/ RP. No: 005006323.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
9	Mangan (Mn) (*) ^(s) / Manganese (Mn) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.1
10	Nhôm (Al) (*) ^(s) / Aluminium (Al) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.2
11	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) (*)	Vết/Trace 0.007 (< LOQ=0.015)	mg/L	0.005	TCVN 6178:1996 (ISO 6777:1984)	0.05
12	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*) (s)/ Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) (*) ^(s)	0.369	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	2
13	Sắt (Fe) (*) ^(s) / Iron (Fe) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.3
14	Thủy ngân (Hg) (*) ^(s) / Mercury (Hg) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0002	TS-KT-QP-28:2021	0.001
15	Tổng chất rắn hoà tan (TDS) (*)/ Total dissolved solids (TDS) (*)	229	mg/L	-	SMEWW 2540 C:2023	1000
16	Phenol và dẫn xuất phenol (*) ^(s) / Phenol and its derivatives (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-113:2020	1
17	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine (*) ^(s) / Atrazine and chloro-s-triazine derivatives (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	100
18	Chlorpyrifos (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	30
19	Chloroform (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
20	Bromoform (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 3/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 10/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y694H0177

Mã KQ/ RP. No: 005006323.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
21	Bromodichloromethane (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60
22	Dibromochloromethane (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
23	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
24	Escherichia coli (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
25	Clo tự do (tính theo Cl ₂) (*)/ Free chlorine (as Cl ₂) (*)	0.500	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1
26	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	Không phát hiện/ Not Detected	NTU	0.33	SMEWW 2130 B:2023	2
27	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	3.33	SMEWW 2120 C:2023	15
28	pH (*)/ pH value (*)	8.05	-	-	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)	6.0 - 8.5
29	Mùi, vị (*) ^(s) / Odor, taste (*) ^(s)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ
30	Asen (As) (*) ^(s) / Arsenic (As) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.01

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 4/4
Ngày ban hành/ Date of issue: 10/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y694H0177
Mã KQ/ RP. No: 005006323.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
-------------	---	-----------------------	-----------------	--------------	---------------------------------	-------------------------------

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- GHDL: Giới hạn định lượng của phương pháp./ LOQ: Limit of quantification.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.
- (*) : Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ là Trung Tâm Kiểm Nghiệm TSL./ (*) : Item(s) is(are) analyzed by TSL Testing Center as a subcontractor.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN

HUYNH TÁN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/4
Ngày ban hành/ Date of issue: 10/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y694H0177
Mã KQ/ RP. No: 006006324.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH LAI CHÂU
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đồng Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu.
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 06/08/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 06/08/2024 - 10/08/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : Mẫu sau bể xử lý - Trạm xử lý và hệ thống cấp nước sinh hoạt Quyết Thắng
Địa chỉ: Phường Quyết Thắng - tp Lai Châu tỉnh Lai Châu
Mã số mẫu: TP 06
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu nước chứa trong can nhựa và chai duran kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	<i>Staphylococcus aureus</i> (*)	0	CFU/100mL	-	TS-KT-VS-115 (XP T90-412 (06/2006))	< 1
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> (*)	0	CFU/100mL	-	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010)	< 1
3	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)/ Ammonium (NH ₃ and NH ₄ ⁺ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.2	TCVN 5988:1995	0.3
4	Chì (Pb) (*) ^(s) / Lead (Pb) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.01
5	Chỉ số pecmanganat (KMnO ₄) (*)/ Permanganate index (KMnO ₄) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.2	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993 (E))	2
6	Crom (Cr) (*) ^(s) / Chromium (Cr) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.05
7	Đồng (Cu) (*) ^(s) / Copper (Cu) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	1
8	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) (*)/ Total hardness (calculated as CaCO ₃) (*)	206	mg/L	-	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984 (E))	300

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 10/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y694H0177

Mã KQ/ RP. No: 006006324.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
9	Mangan (Mn) (*) ^(s) / Manganese (Mn) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.1
10	Nhôm (Al) (*) ^(s) / Aluminium (Al) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.2
11	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.005	TCVN 6178:1996 (ISO 6777:1984)	0.05
12	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*) (s)/ Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) (*) ^(s)	1.49	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	2
13	Sắt (Fe) (*) ^(s) / Iron (Fe) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.3
14	Thủy ngân (Hg) (*) ^(s) / Mercury (Hg) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0002	TS-KT-QP-28:2021	0.001
15	Tổng chất rắn hoà tan (TDS) (*)/ Total dissolved solids (TDS) (*)	276	mg/L	-	SMEWW 2540 C:2023	1000
16	Phenol và dẫn xuất phenol (*) ^(s) / Phenol and its derivatives (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-113:2020 ✓	1
17	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine (*) ^(s) / Atrazine and chloro-s-triazine derivatives (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	100
18	Chlorpyrifos (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	30
19	Chloroform (*) ^(s)	Vết/ Trace 0.396 (< LOQ = 1)	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
20	Bromoform (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 3/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 10/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y694H0177

Mã KQ/ RP. No: 006006324.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
21	Bromodichloromethane (*) ^(s)	2.39	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60
22	Dibromochloromethane (*) ^(s)	Vết/ Trace 0.838 (< LOQ = 1)	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
23	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
24	Escherichia coli (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
25	Clo tự do (tính theo Cl ₂) (*)/ Free chlorine (as Cl ₂) (*)	0.530	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1
26	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	Không phát hiện/ Not Detected	NTU	0.33	SMEWW 2130 B:2023	2
27	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	3.33	SMEWW 2120 C:2023	15
28	pH (*)/ pH value (*)	7.74	-	-	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)	6.0 - 8.5
29	Mùi, vị (*) ^(s) / Odor, taste (*) ^(s)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ
30	Asen (As) (*) ^(s) / Arsenic (As) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.01

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 4/4
Ngày ban hành/ Date of issue: 10/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y694H0177
Mã KQ/ RP. No: 006006324.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
-------------	---	-----------------------	-----------------	--------------	---------------------------------	-------------------------------

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- GHDL: Giới hạn định lượng của phương pháp./ LOQ: Limit of quantification.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.
- (§) : Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ là Trung Tâm Kiểm Nghiệm TSL./ (§) : Item(s) is(are) analyzed by TSL Testing Center as a subcontractor.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



HUYỀN TÂN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 10/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y694H0177

Mã KQ/ RP. No: 007006325.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH LAI CHÂU
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu.
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 06/08/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 06/08/2024 - 10/08/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : **Mẫu sau bể xử lý - Trạm cấp nước thị trấn Tam Đường**
Địa chỉ: Thị trấn Tam Đường - huyện Tam Đường tỉnh Lai Châu
Mã số mẫu: TĐ 07
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu nước chứa trong can nhựa và chai duran kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	<i>Staphylococcus aureus</i> (*)	0	CFU/100mL	-	TS-KT-VS-115 (XP T90-412 (06/2006))	< 1
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> (*)	0	CFU/100mL	-	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010)	< 1
3	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)/ Ammonium (NH ₃ and NH ₄ ⁺ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.2	TCVN 5988:1995	0.3
4	Chì (Pb) (*) (s)/ Lead (Pb) (*) (s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.01
5	Chỉ số pecmanganat (KMnO ₄) (*)/ Permanganate index (KMnO ₄) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.2	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993 (E))	2
6	Crom (Cr) (*) (s)/ Chromium (Cr) (*) (s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.05
7	Đồng (Cu) (*) (s)/ Copper (Cu) (*) (s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	1
8	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) (*)/ Total hardness (calculated as CaCO ₃) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	2.17	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984 (E))	300

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 10/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y694H0177

Mã KQ/ RP. No: 007006325.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
9	Mangan (Mn) (*) ^(s) / Manganese (Mn) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.1
10	Nhôm (Al) (*) ^(s) / Aluminium (Al) (*) ^(s)	0.045	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.2
11	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.005	TCVN 6178:1996 (ISO 6777:1984)	0.05
12	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*) (s)/ Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) (*) ^(s)	0.567	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	2
13	Sắt (Fe) (*) ^(s) / Iron (Fe) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.3
14	Thủy ngân (Hg) (*) ^(s) / Mercury (Hg) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0002	TS-KT-QP-28:2021	0.001
15	Tổng chất rắn hoà tan (TDS) (*)/ Total dissolved solids (TDS) (*)	21.0	mg/L	-	SMEWW 2540 C:2023	1000
16	Phenol và dẫn xuất phenol (*) ^(s) / Phenol and its derivatives (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-113:2020	1
17	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine (*) ^(s) / Atrazine and chloro-s-triazine derivatives (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	100
18	Chlorpyrifos (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	30
19	Chloroform (*) ^(s)	3.06	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
20	Bromoform (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 3/4
Ngày ban hành/ Date of issue: 10/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y694H0177
Mã KQ/ RP. No: 007006325.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
21	Bromodichloromethane (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60
22	Dibromochloromethane (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
23	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
24	Escherichia coli (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
25	Clo tự do (tính theo Cl ₂) (*)/ Free chlorine (as Cl ₂) (*)	0.750	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1
26	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	Không phát hiện/ Not Detected	NTU	0.33	SMEWW 2130 B:2023	2
27	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	3.33	SMEWW 2120 C:2023	15
28	pH (*)/ pH value (*)	7.31	-	-	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)	6.0 - 8.5
29	Mùi, vị (*) ^(s) / Odor, taste (*) ^(s)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 4/4
Ngày ban hành/ Date of issue: 10/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y694H0177
Mã KQ/ RP. No: 007006325.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
-------------	---	-----------------------	-----------------	--------------	---------------------------------	-------------------------------

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.
- (*) : Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ là Trung Tâm Kiểm Nghiệm TSL./ (*) : Item(s) is(are) analyzed by TSL Testing Center as a subcontractor.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER



NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



HUỖNH TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/4
Ngày ban hành/ Date of issue: 10/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y694H0177
Mã KQ/ RP. No: 008006326.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH LAI CHÂU
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu.
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 06/08/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 06/08/2024 - 10/08/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : **Mẫu vòi sử dụng 01 - Trạm cấp nước thị trấn Tam Đường**
Địa chỉ: Thị trấn Tam Đường - huyện Tam Đường tỉnh Lai Châu
Mã số mẫu: TĐ 08
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu nước chứa trong can nhựa và chai duran kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	<i>Staphylococcus aureus</i> (*)	0	CFU/100mL	-	TS-KT-VS-115 (XP T90-412 (06/2006))	< 1
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> (*)	0	CFU/100mL	-	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010)	< 1
3	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)/ Ammonium (NH ₃ and NH ₄ ⁺ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.2	TCVN 5988:1995	0.3
4	Chì (Pb) (*) (s)/ Lead (Pb) (*) (s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.01
5	Chỉ số pecmanganat (KMnO ₄) (*)/ Permanganate index (KMnO ₄) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.2	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993 (E))	2
6	Crom (Cr) (*) (s)/ Chromium (Cr) (*) (s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.05
7	Đồng (Cu) (*) (s)/ Copper (Cu) (*) (s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	1
8	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) (*)/ Total hardness (calculated as CaCO ₃) (*)	7.00	mg/L	-	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984 (E))	300

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 10/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y694H0177

Mã KQ/ RP. No: 008006326.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
9	Mangan (Mn) (*) ^(s) / Manganese (Mn) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.1
10	Nhôm (Al) (*) ^(s) / Aluminium (Al) (*) ^(s)	0.129	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.2
11	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.005	TCVN 6178:1996 (ISO 6777:1984)	0.05
12	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*) (s)/ Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) (*) ^(s)	0.593	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	2
13	Sắt (Fe) (*) ^(s) / Iron (Fe) (*) ^(s)	0.062	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.3
14	Thủy ngân (Hg) (*) ^(s) / Mercury (Hg) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0002	TS-KT-QP-28:2021	0.001
15	Tổng chất rắn hoà tan (TDS) (*)/ Total dissolved solids (TDS) (*)	21.0	mg/L	-	SMEWW 2540 C:2023	1000
16	Phenol và dẫn xuất phenol (*) ^(s) / Phenol and its derivatives (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-113:2020	1
17	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine (*) ^(s) / Atrazine and chloro-s-triazine derivatives (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	100
18	Chlorpyrifos (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	30
19	Chloroform (*) ^(s)	5.46	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
20	Bromoform (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 3/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 10/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y694H0177

Mã KQ/ RP. No: 008006326.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
21	Bromodichloromethane (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60
22	Dibromochloromethane (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
23	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
24	Escherichia coli (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
25	Clo tự do (tính theo Cl ₂) (*)/ Free chlorine (as Cl ₂) (*)	0.480	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1
26	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	Không phát hiện/ Not Detected	NTU	0.33	SMEWW 2130 B:2023	2
27	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	3.33	SMEWW 2120 C:2023	15
28	pH (*)/ pH value (*)	6.84	-	-	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)	6.0 - 8.5
29	Mùi, vị (*) ^(s) / Odor, taste (*) ^(s)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

10/08/2024
AM
EM
OI
NH
TP.

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 4/4
Ngày ban hành/ Date of issue: 10/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y694H0177
Mã KQ/ RP. No: 008006326.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
-------------	---	-----------------------	-----------------	--------------	---------------------------------	-------------------------------

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.
- (^o) : Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ là Trung Tâm Kiểm Nghiệm TSL./ (^o) : Item(s) is(are) analyzed by TSL Testing Center as a subcontractor.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

HUỲNH TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/4
Ngày ban hành/ Date of issue: 10/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y694H0177
Mã KQ/ RP. No: 009006327.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH LAI CHÂU
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu.
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 06/08/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 06/08/2024 - 10/08/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : **Mẫu vòi sử dụng 02 - Trạm cấp nước thị trấn Tam Đường**
Địa chỉ: Thị trấn Tam Đường - huyện Tam Đường tỉnh Lai Châu
Mã số mẫu: TĐ 09
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu nước chứa trong can nhựa và chai duran kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	<i>Staphylococcus aureus</i> (*)	0	CFU/100mL	-	TS-KT-VS-115 (XP T90-412 (06/2006))	< 1
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> (*)	0	CFU/100mL	-	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010)	< 1
3	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)/ Ammonium (NH ₃ and NH ₄ ⁺ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.2	TCVN 5988:1995	0.3
4	Chì (Pb) (*) (s)/ Lead (Pb) (*) (s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.01
5	Chỉ số pecmanganat (KMnO ₄) (*)/ Permanganate index (KMnO ₄) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.2	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993 (E))	2
6	Crom (Cr) (*) (s)/ Chromium (Cr) (*) (s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.05
7	Đồng (Cu) (*) (s)/ Copper (Cu) (*) (s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	1
8	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) (*)/ Total hardness (calculated as CaCO ₃) (*)	14.0	mg/L	-	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984 (E))	300

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 10/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y694H0177

Mã KQ/ RP. No: 009006327.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
9	Mangan (Mn) (*) ^(s) / Manganese (Mn) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.1
10	Nhôm (Al) (*) ^(s) / Aluminium (Al) (*) ^(s)	0.117	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.2
11	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) (*)	Vết/Trace 0.007 (< LOQ=0.015)	mg/L	0.005	TCVN 6178:1996 (ISO 6777:1984)	0.05
12	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*) (s)/ Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) (*) ^(s)	0.635	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	2
13	Sắt (Fe) (*) ^(s) / Iron (Fe) (*) ^(s)	0.055	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.3
14	Thủy ngân (Hg) (*) ^(s) / Mercury (Hg) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0002	TS-KT-QP-28:2021	0.001
15	Tổng chất rắn hoà tan (TDS) (*)/ Total dissolved solids (TDS) (*)	22.0	mg/L	-	SMEWW 2540 C:2023	1000
16	Phenol và dẫn xuất phenol (*) ^(s) / Phenol and its derivatives (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-113:2020	1
17	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine (*) ^(s) / Atrazine and chloro-s-triazine derivatives (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	100
18	Chlorpyrifos (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	30
19	Chloroform (*) ^(s)	5.15	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
20	Bromoform (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 3/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 10/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y694H0177

Mã KQ/ RP. No: 009006327.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
21	Bromodichloromethane (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60
22	Dibromochloromethane (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
23	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
24	Escherichia coli (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
25	Clo tự do (tính theo Cl ₂) (*)/ Free chlorine (as Cl ₂) (*)	0.410	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1
26	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	Không phát hiện/ Not Detected	NTU	0.33	SMEWW 2130 B:2023	2
27	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	3.33	SMEWW 2120 C:2023	15
28	pH (*)/ pH value (*)	6.70	-	-	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)	6.0 - 8.5
29	Mùi, vị (*) ^(s) / Odor, taste (*) ^(s)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 4/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 10/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y694H0177

Mã KQ/ RP. No: 009006327.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
-------------	---	-----------------------	-----------------	--------------	---------------------------------	-------------------------------

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- GHDL: Giới hạn định lượng của phương pháp./ LOQ: Limit of quantification.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.
- (^s) : Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ là Trung Tâm Kiểm Nghiệm TSL./ (^s) : Item(s) is(are) analyzed by TSL Testing Center as a subcontractor.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER



NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



HUỲNH TÁN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/4
Ngày ban hành/ Date of issue: 10/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y694H0177
Mã KQ/ RP. No: 010006328.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH LAI CHÂU
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đồng Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu.
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 06/08/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 06/08/2024 - 10/08/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : Mẫu sau bể xử lý - Trạm cấp nước sinh hoạt thị trấn Sìn Hồ
Địa chỉ: Thị trấn Sìn Hồ - huyện Sìn Hồ tỉnh Lai Châu
Mã số mẫu: SH 10
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu nước chứa trong can nhựa và chai duran kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	<i>Staphylococcus aureus</i> (*)	0	CFU/100mL	-	TS-KT-VS-115 (XP T90-412 (06/2006))	< 1
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> (*)	0	CFU/100mL	-	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010)	< 1
3	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)/ Ammonium (NH ₃ and NH ₄ ⁺ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.2	TCVN 5988:1995	0.3
4	Chì (Pb) (*) ^(s) / Lead (Pb) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.01
5	Chỉ số pecmanganat (KMnO ₄) (*)/ Permanganate index (KMnO ₄) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.2	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993 (E))	2
6	Crom (Cr) (*) ^(s) / Chromium (Cr) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.05
7	Đồng (Cu) (*) ^(s) / Copper (Cu) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	1
8	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) (*)/ Total hardness (calculated as CaCO ₃) (*)	31.0	mg/L	-	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984 (E))	300

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 10/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y694H0177

Mã KQ/ RP. No: 010006328.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
9	Mangan (Mn) (*) ^(s) / Manganese (Mn) (*) ^(s)	Vết/ Trace 0.017 (< LOQ = 0.02)	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.1
10	Nhôm (Al) (*) ^(s) / Aluminium (Al) (*) ^(s)	0.047	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.2
11	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) (*)	Vết/Trace 0.010 (< LOQ=0.015)	mg/L	0.005	TCVN 6178:1996 (ISO 6777:1984)	0.05
12	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*) (s)/ Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) (*) ^(s)	0.165	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	2
13	Sắt (Fe) (*) ^(s) / Iron (Fe) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.3
14	Thủy ngân (Hg) (*) ^(s) / Mercury (Hg) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0002	TS-KT-QP-28:2021	0.001
15	Tổng chất rắn hoà tan (TDS) (*)/ Total dissolved solids (TDS) (*)	48.0	mg/L	-	SMEWW 2540 C:2023	1000
16	Phenol và dẫn xuất phenol (*) ^(s) / Phenol and its derivatives (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-113:2020	1
17	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine (*) ^(s) / Atrazine and chloro-s-triazine derivatives (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	100
18	Chlorpyrifos (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	30
19	Chloroform (*) ^(s)	1.45	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
20	Bromoform (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100

2024
TRUI
KIEM
TSL
CHI
CÔNG
KH
T
A ĐƠN

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 3/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 10/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y694H0177

Mã KQ/ RP. No: 010006328.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
21	Bromodichloromethane (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60
22	Dibromochloromethane (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
23	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
24	Escherichia coli (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
25	Clo tự do (tính theo Cl ₂) (*)/ Free chlorine (as Cl ₂) (*)	0.500	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1
26	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	Không phát hiện/ Not Detected	NTU	0.33	SMEWW 2130 B:2023	2
27	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	3.33	SMEWW 2120 C:2023	15
28	pH (*)/ pH value (*)	7.20	-	-	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)	6.0 - 8.5
29	Mùi, vị (*) ^(s) / Odor, taste (*) ^(s)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 4/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 10/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y694H0177

Mã KQ/ RP. No: 010006328.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
-------------	---	-----------------------	-----------------	--------------	---------------------------------	-------------------------------

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- GHDL: Giới hạn định lượng của phương pháp./ LOQ: Limit of quantification.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.
- (§) : Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ là Trung Tâm Kiểm Nghiệm TSL./ (§) : Item(s) is(are) analyzed by TSL Testing Center as a subcontractor.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYỀN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

HUYỀN TÁN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/4
Ngày ban hành/ Date of issue: 10/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y694H0177
Mã KQ/ RP. No: 011006329.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH LAI CHÂU
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đồng Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu.
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 06/08/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 06/08/2024 - 10/08/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : Mẫu vòi sử dụng 01 - Trạm cấp nước sinh hoạt thị trấn Sìn Hồ
Địa chỉ: Thị trấn Sìn Hồ - huyện Sìn Hồ tỉnh Lai Châu
Mã số mẫu: SH 11
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu nước chứa trong can nhựa và chai duran kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	<i>Staphylococcus aureus</i> (*)	0	CFU/100mL	-	TS-KT-VS-115 (XP T90-412 (06/2006))	< 1
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> (*)	0	CFU/100mL	-	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010)	< 1
3	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)/ Ammonium (NH ₃ and NH ₄ ⁺ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.2	TCVN 5988:1995	0.3
4	Chì (Pb) (*) ^(s) / Lead (Pb) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.01
5	Chỉ số pecmanganat (KMnO ₄) (*)/ Permanganate index (KMnO ₄) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.2	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993 (E))	2
6	Crom (Cr) (*) ^(s) / Chromium (Cr) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.05
7	Đồng (Cu) (*) ^(s) / Copper (Cu) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	1
8	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) (*)/ Total hardness (caculated as CaCO ₃) (*)	35.0	mg/L	-	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984 (E))	300

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 10/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y694H0177

Mã KQ/ RP. No: 011006329.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
9	Mangan (Mn) (*) ^(s) / Manganese (Mn) (*) ^(s)	Vết/ Trace 0.016 (< LOQ = 0.02)	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.1
10	Nhôm (Al) (*) ^(s) / Aluminium (Al) (*) ^(s)	0.049	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.2
11	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) (*)	Vết/Trace 0.007 (< LOQ=0.015)	mg/L	0.005	TCVN 6178:1996 (ISO 6777:1984)	0.05
12	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*) (s)/ Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) (*) ^(s)	0.166	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	2
13	Sắt (Fe) (*) ^(s) / Iron (Fe) (*) ^(s)	0.022	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.3
14	Thủy ngân (Hg) (*) ^(s) / Mercury (Hg) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0002	TS-KT-QP-28:2021	0.001
15	Tổng chất rắn hoà tan (TDS) (*)/ Total dissolved solids (TDS) (*)	53.0	mg/L	-	SMEWW 2540 C:2023	1000
16	Phenol và dẫn xuất phenol (*) ^(s) / Phenol and its derivatives (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-113:2020	1
17	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine (*) ^(s) / Atrazine and chloro-s-triazine derivatives (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	100
18	Chlorpyrifos (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	30
19	Chloroform (*) ^(s)	1.82	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
20	Bromoform (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 3/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 10/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y694H0177

Mã KQ/ RP. No: 011006329.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
21	Bromodichloromethane (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60
22	Dibromochloromethane (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
23	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
24	Escherichia coli (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
25	Clo tự do (tính theo Cl ₂) (*)/ Free chlorine (as Cl ₂) (*)	0.380	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1
26	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	Không phát hiện/ Not Detected	NTU	0.33	SMEWW 2130 B:2023	2
27	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	3.33	SMEWW 2120 C:2023	15
28	pH (*)/ pH value (*)	7.20	-	-	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)	6.0 - 8.5
29	Mùi, vị (*) ^(s) / Odor, taste (*) ^(s)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 4/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 10/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y694H0177

Mã KQ/ RP. No: 011006329.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
-------------	---	-----------------------	-----------------	--------------	---------------------------------	-------------------------------

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- GHDL: Giới hạn định lượng của phương pháp./ LOQ: Limit of quantification.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.
- (*) : Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ là Trung Tâm Kiểm Nghiệm TSL./ (*) : Item(s) is(are) analyzed by TSL Testing Center as a subcontractor.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER



NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



HUỖNH TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/4
Ngày ban hành/ Date of issue: 10/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y694H0177
Mã KQ/ RP. No: 012006330.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH LAI CHÂU
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đồng Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu.
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 06/08/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 06/08/2024 - 10/08/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : **Mẫu vòi sử dụng 02 - Trạm cấp nước sinh hoạt thị trấn Sìn Hồ**
Địa chỉ: Thị trấn Sìn Hồ - huyện Sìn Hồ tỉnh Lai Châu
Mã số mẫu: SH 12
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu nước chứa trong can nhựa và chai duran kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	<i>Staphylococcus aureus</i> (*)	0	CFU/100mL	-	TS-KT-VS-115 (XP T90-412 (06/2006))	< 1
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> (*)	0	CFU/100mL	-	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010)	< 1
3	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)/ Ammonium (NH ₃ and NH ₄ ⁺ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.2	TCVN 5988:1995	0.3
4	Chì (Pb) (*) ^(s) / Lead (Pb) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.01
5	Chỉ số pecmanganat (KMnO ₄) (*)/ Permanganate index (KMnO ₄) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.2	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993 (E))	2
6	Crom (Cr) (*) ^(s) / Chromium (Cr) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.05
7	Đồng (Cu) (*) ^(s) / Copper (Cu) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	1
8	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) (*)/ Total hardness (caculated as CaCO ₃) (*)	22.0	mg/L	-	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984 (E))	300

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 10/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y694H0177

Mã KQ/ RP. No: 012006330.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
9	Mangan (Mn) (*) ^(s) / Manganese (Mn) (*) ^(s)	0.020	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.1
10	Nhôm (Al) (*) ^(s) / Aluminium (Al) (*) ^(s)	0.047	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.2
11	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) (*)	Vết/Trace 0.008 (< LOQ=0.015)	mg/L	0.005	TCVN 6178:1996 (ISO 6777:1984)	0.05
12	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*) (s)/ Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) (*) ^(s)	0.549	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	2
13	Sắt (Fe) (*) ^(s) / Iron (Fe) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.3
14	Thủy ngân (Hg) (*) ^(s) / Mercury (Hg) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0002	TS-KT-QP-28:2021	0.001
15	Tổng chất rắn hoà tan (TDS) (*)/ Total dissolved solids (TDS) (*)	34.0	mg/L	-	SMEWW 2540 C:2023	1000
16	Phenol và dẫn xuất phenol (*) ^(s) / Phenol and its derivatives (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-113:2020	1
17	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine (*) ^(s) / Atrazine and chloro-s-triazine derivatives (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	100
18	Chlorpyrifos (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	30
19	Chloroform (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
20	Bromoform (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 3/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 10/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y694H0177

Mã KQ/ RP. No: 012006330.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
21	Bromodichloromethane (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60
22	Dibromochloromethane (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
23	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
24	Escherichia coli (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
25	Clo tự do (tính theo Cl ₂) (*)/ Free chlorine (as Cl ₂) (*)	0.230	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1
26	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	Không phát hiện/ Not Detected	NTU	0.33	SMEWW 2130 B:2023	2
27	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	3.33	SMEWW 2120 C:2023	15
28	pH (*)/ pH value (*)	6.97	-	-	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)	6.0 - 8.5
29	Mùi, vị (*) ^(s) / Odor, taste (*) ^(s)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

004.1
AM
TEM
LOI-
NH
HOC
TP.V

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 4/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 10/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y694H0177

Mã KQ/ RP. No: 012006330.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
-------------	---	-----------------------	-----------------	--------------	---------------------------------	-------------------------------

Chú thích/ Remarks:

- (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- GHDL: Giới hạn định lượng của phương pháp./ LOQ: Limit of quantification.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.
- (§): Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ là Trung Tâm Kiểm Nghiệm TSL./ (§): Item(s) is(are) analyzed by TSL Testing Center as a subcontractor.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER



NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



HUỖNH TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/3

Ngày ban hành/ Date of issue: 10/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y694H0177

Mã KQ/ RP. No: 013006331.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH LAI CHÂU
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu.
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 06/08/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 06/08/2024 - 10/08/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : **Mẫu sau bể xử lý - Trạm cấp nước thị trấn Phong Thổ**
Địa chỉ: Thị trấn Phong Thổ huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu
Mã số mẫu: PT 13
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu nước chứa trong can nhựa và chai duran kín

7. Bảng kết quả/ Results Table

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	<i>Staphylococcus aureus</i> (*)	0	CFU/100mL	-	TS-KT-VS-115 (XP T90-412 (06/2006))	< 1
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> (*)	0	CFU/100mL	-	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010)	< 1
3	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)/ Ammonium (NH ₃ and NH ₄ ⁺ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.2	TCVN 5988:1995	0.3
4	Chì (Pb) (*) ^(s) / Lead (Pb) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.01
5	Chỉ số pecmanganat (KMnO ₄) (*)/ Permanganate index (KMnO ₄) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mgO ₂ /L	0.2	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993 (E))	2
6	Crom (Cr) (*) ^(s) / Chromium (Cr) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.05
7	Đồng (Cu) (*) ^(s) / Copper (Cu) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	1
8	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) (*)/ Total hardness (calculated as CaCO ₃) (*)	20.0	mgCaCO ₃ /L	-	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984 (E))	300
9	Mangan (Mn) (*) ^(s) / Manganese (Mn) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.1

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: http://tsl-net.com.vn

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/3

Ngày ban hành/ Date of issue: 10/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y694H0177

Mã KQ/ RP. No: 013006331.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
10	Nhôm (Al) (*) ^(s) / Aluminium (Al) (*) ^(s)	0.068	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.2
11	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) (*)	Vết/Trace 0.007 (< LOQ=0.015)	mg/L	0.005	TCVN 6178:1996 (ISO 6777:1984)	0.05
12	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*) ^(s) / Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) (*) ^(s)	0.910	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	2
13	Sắt (Fe) (*) ^(s) / Iron (Fe) (*) ^(s)	Vết/ Trace 0.013 (< LOQ = 0.02)	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.3
14	Thủy ngân (Hg) (*) ^(s) / Mercury (Hg) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0002	TS-KT-QP-28:2021	0.001
15	Tổng chất rắn hoà tan (TDS) (*)/ Total dissolved solids (TDS) (*)	34.0	mg/L	-	SMEWW 2540 C:2023	1000
16	Phenol và dẫn xuất phenol (*) ^(s) / Phenol and its derivatives (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-113:2020	1
17	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine (*) ^(s) / Atrazine and chloro-s-triazine derivatives (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	100
18	Chlorpyrifos (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	30
19	Chloroform (*) ^(s)	3.67	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
20	Bromoform (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
21	Bromodichloromethane (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60
22	Dibromochloromethane (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 3/3

Ngày ban hành/ Date of issue: 10/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Y694H0177

Mã KQ/ RP. No: 013006331.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
23	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
24	Escherichia coli (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
25	Clo tự do (tính theo Cl ₂) (*)/ Free chlorine (as Cl ₂) (*)	0.490	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1
26	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	Không phát hiện/ Not Detected	NTU	0.33	SMEWW 2130 B:2023	2
27	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	3.33	SMEWW 2120 C:2023	15
28	pH (*)/ pH value (*)	7.22	-	-	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)	6.0 - 8.5
29	Mùi, vị (*) ^(s) / Odor, taste (*) ^(s)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN- 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- GHDL: Giới hạn định lượng của phương pháp./ LOQ: Limit of quantification.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.
- (^s) : Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ là Trung Tâm Kiểm Nghiệm TSL./ (^s) : Item(s) is(are) analyzed by TSL Testing Center as a subcontractor.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

NGUYỄN THỊ CẨM TUYẾN

HUỲNH TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04